

Số: **904**/GPMT-UBND

Yên Bái, ngày **02** tháng **6** năm 2023

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định 19/2022/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành quy định một số nội dung trong công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Yên Bái;

Xét báo cáo thẩm định báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường dự án đầu tư xây dựng lò đốt chất thải rắn sinh hoạt tại xã Vĩnh Kiên, huyện Yên Bình số 138/BC-HĐTĐ ngày 18 tháng 5 năm 2023 của Hội đồng thẩm định;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Yên Bình tại Văn bản số 46/BQL-HCKH ngày 08 tháng 02 năm 2023 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Dự án đầu tư xây dựng Lò đốt chất thải rắn sinh hoạt tại xã Vĩnh Kiên, huyện Yên Bình và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Yên Bái tại Tờ trình số 210/TTr-STNMT ngày 26 tháng 5 năm 2023.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Cấp phép cho Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Yên Bình được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư xây dựng Lò đốt chất thải rắn sinh hoạt tại xã Vĩnh Kiên, huyện Yên Bình với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung của dự án đầu tư:**

a) Tên dự án đầu tư: Xây dựng Lò đốt chất thải rắn sinh hoạt tại xã Vĩnh Kiên, huyện Yên Bình.

b) Địa điểm hoạt động: Thôn Ba Chăng, xã Vĩnh Kiên, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

c) Quyết định chủ trương đầu tư: (i) Quyết định số 735/QĐ-UBND ngày 10/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt Chủ trương đầu tư các dự án bảo vệ môi trường sử dụng nguồn vốn từ Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Yên Bái; (ii) Quyết định số 1566/QĐ-UBND ngày 14/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt điều chỉnh Chủ trương đầu tư các dự án bảo vệ môi trường sử dụng nguồn vốn từ Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh.

d) Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Dịch vụ công ích.

đ) Phạm vi, quy mô, công suất của dự án: (i) dự án nhóm C (theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công); (ii) diện tích dự án: 3.718 m<sup>2</sup>; (iii) quy mô: Xây dựng, lắp đặt 01 lò đốt chất thải rắn sinh hoạt công suất 1.000 kg/giờ kèm theo các công trình phụ trợ.

**2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

a) Được phép xả bụi, khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Giấy phép này.

b) Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Giấy phép này.

c) Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Giấy phép này.

d) Thực hiện yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Giấy phép này.

đ) Thực hiện yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 05 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Chủ đầu tư và đơn vị được giao quản lý vận hành Dự án:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Chủ đầu tư và đơn vị quản lý, vận hành dự án có trách nhiệm:

a) Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

b) Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải (bao gồm cả quá trình vận hành thử nghiệm) bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu

cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

c) Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

d) Báo cáo kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.



đ) Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Ủy ban nhân dân tỉnh (*thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường*) để xem xét.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký Giấy phép.

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân huyện Yên Bình tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Yên Bình; Giám đốc Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Yên Bình; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Thịnh Hưng, huyện Yên Bình và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Giấy phép này/.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5; 
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó Chủ tịch TT UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Trung tâm ĐHTM tỉnh;
- Phó CVP (TH) UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TNMT, NLN. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thế Phước**

**PHỤ LỤC 01:**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ BỤI, KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ**  
**MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI BỤI, KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 904/GPMT-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2023  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ BỤI, KHÍ THẢI**

**I. Nguồn phát sinh bụi, khí thải**

**1. Trong giai đoạn thi công xây dựng**

Do hoạt động của các phương tiện, máy móc thi công xây dựng; máy móc vận chuyển nguyên vật liệu để xây dựng; mùi phát sinh từ quá trình bốc xúc chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH) tồn lưu hiện có.

**2. Trong giai đoạn hoạt động**

a) Do hoạt động của các phương tiện ra vào dự án với các thông số như Cacbon monoxyt (CO), lưu huỳnh dioxyt (SO<sub>2</sub>), Nitơ oxyt (NO<sub>x</sub>),...

b) Do hoạt động của hoạt động xử lý CTRSH từ khâu tập kết CTRSH với các thông số như: Hydrosunfua (H<sub>2</sub>S), Methyl mecarptan (CH<sub>3</sub>SH); hoạt động của lò đốt CTRSH với các thông số: Bụi tổng, Axit Clohydric (HCl), Cacbon monoxyt (CO), lưu huỳnh dioxyt (SO<sub>2</sub>), Nitơ oxyt (NO<sub>x</sub>) hủy ngân và hợp chất tính theo thủy ngân (Hg), Cadimi và hợp chất tính theo Cadimi (Cd), tổng đioxin/furan (PCDD/PCDF).

**II. Dòng khí thải, vị trí xả bụi, khí thải (giai đoạn hoạt động)**

**1. Tên nguồn thải**

Ống thải sau công trình xử lý bụi, khí thải lò đốt CTRSH.

**2. Vị trí xả thải**

Tọa độ xả bụi, khí thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 104<sup>0</sup> 45' múi chiều 3<sup>0</sup>): X: 2407675,70      Y: 529683,64.

**3. Lưu lượng xả bụi, khí thải lớn nhất**

Lưu lượng xả bụi, khí thải lớn nhất là 10.000 m<sup>3</sup>/giờ.

**4. Phương thức xả bụi, khí thải**

Xả bụi, khí thải liên tục (24 giờ).

**5. Chất lượng bụi, khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải, cụ thể như sau:**

STT	Thông số	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn theo QCVN 61-MT:2016/BTNMT (Kv=1,4)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	140	6 tháng/lần

STT	Thông số	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn theo QCVN 61-MT:2016/BTNMT (Kv=1,4)	Tần suất quan trắc định kỳ
2	HCl	mg/Nm <sup>3</sup>	70	6 tháng/lần
3	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	350	6 tháng/lần
4	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	350	6 tháng/lần
5	NO <sub>x</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	700	6 tháng/lần
6	Hg	mg/Nm <sup>3</sup>	0,28	1 năm/lần
7	Cd	mg/Nm <sup>3</sup>	0,224	1 năm/lần
8	Pb	mg/Nm <sup>3</sup>	1,68	1 năm/lần
9	Tổng dioxin/furan	ngTEQ/Nm <sup>3</sup>	0,84	1 năm/lần

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI**

### **I. Biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải giai đoạn thi công**

1. Các xe chở vật liệu đảm bảo chở đúng tải trọng quy định; các phương tiện được đăng kiểm theo quy định; phủ bạt kín thùng xe trong quá trình vận chuyển vật liệu.

2. Bố trí hợp lý tuyến đường vận chuyển và đi lại. Kiểm tra các phương tiện thi công nhằm đảm bảo các thiết bị, máy móc luôn ở trong điều kiện tốt nhất về mặt kỹ thuật.

3. Sắp xếp thời gian làm việc của các phương tiện, máy móc thi công hợp lý để tránh trường hợp các máy móc cùng hoạt động cùng lúc.

4. Vệ sinh sạch sẽ phương tiện vận chuyển trước khi ra khỏi công trường; bố trí người vệ sinh đất, cát tại tuyến đường dân sinh nội vào dự án.

5. Đối với khu đào xúc rác và tập kết tạm thời CTRSH đã có: phun hóa chất khử mùi với tần suất 02 giờ/lần; phun chế phẩm EM, thuốc diệt ruồi và rải vôi bột lên khu vực tập kết tạm thời CTRSH với tần suất 1 lần/ngày; che phủ kín bề mặt khu tập kết tạm thời để hạn chế phát tán mùi.

### **II. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải giai đoạn hoạt động**

#### **1. Khí thải, mùi hôi từ bãi tập kết rác và phơi rác**

Tại nhà tập kết, phơi CTRSH thì CTRSH được phun dung dịch EM với tần suất 2 giờ/lần; phun thuốc diệt ruồi và rải vôi bột lên rác với tần suất 1 lần/ngày.

#### **2. Thu gom, xử lý bụi, khí thải lò đốt**

a) Biện pháp thu gom: Bụi, khí thải được thu gom, dẫn từ lò đốt qua các công đoạn xử lý bằng đường ống thép.

b) Công trình xử lý: Công trình xử lý gồm: buồng lưu khí (*chiều cao 1,4 m, chiều rộng 1,4 m; bên ngoài có các cánh tản nhiệt*); tháp xử lý khí thải số 01

(đường kính 01 m, chiều cao 2,8 m. Kèm theo là hệ thống bơm và 02 vòi phun dung dịch sữa vôi); tháp xử lý khí thải số 2 (đường kính 01 m, chiều cao 2,8 m. Kèm theo là hệ thống bơm và 02 vòi phun dung dịch sữa vôi); tháp hấp phụ (đường kính 01 m, chiều cao 2,8 m; có 03 tầng than hoạt tính với chiều dày mỗi tầng từ 5-10 cm); Ống khói với chiều cao 20,5 m.

c) Quy trình vận hành

- Bước 1: Bụi và khí thải từ lò đốt theo đường ống dẫn sang buồng lưu khí.

- Bước 2: Tại buồng lưu khí, nhiệt độ của khí thải được giảm nhiệt (nhờ sự chênh lệch về nhiệt độ của khí thải với nhiệt độ môi trường xung quanh mà dòng khí thải được giảm nhiệt độ) thông qua cơ chế trao đổi nhiệt trên qua vách tản nhiệt.

- Bước 3: Sau khi qua buồng lưu khí, khí thải theo đường ống dẫn sang thiết bị xử lý khí đa năng số 1 (tháp số 1). Tại tháp này, hệ thống bơm sẽ bơm dung dịch sữa vôi từ bể sữa vôi với áp lực cao từ trên đỉnh tháp xuống (nước và khí thải di chuyển cùng chiều). Nước thải từ thiết bị này được xả ra ngoài qua van xả tại đáy thiết bị và theo đường ống dẫn về ngăn số 01 của công trình xử lý nước thải phát sinh từ quá trình xử lý bụi, khí thải của lò đốt (hay còn gọi là bể sữa vôi).

- Bước 4: Sau khi qua thiết bị xử lý khí đa năng số 1, khí thải theo đường ống dẫn sang thiết bị xử lý khí đa năng số 2 (tháp số 2). Tại tháp này, hệ thống bơm sẽ bơm dung dịch sữa vôi từ bể sữa vôi với áp lực cao từ trên đỉnh tháp xuống (nước và khí thải di chuyển ngược chiều). Nước thải từ thiết bị này được xả ra ngoài qua van xả tại đáy thiết bị và theo đường ống dẫn về ngăn số 01 của công trình xử lý nước thải phát sinh từ quá trình xử lý bụi, khí thải của lò đốt (hay còn gọi là bể sữa vôi). Dung dịch sữa vôi trước khi đưa vào tháp xử lý khí thải đa năng số 1 và 2 được kiểm soát pH bằng giấy quỳ tím để đảm bảo pH duy trì >10. Khi pH trong dung dịch sữa vôi <10 thì Chủ dự án tiến hành bổ sung dung dịch sữa vôi mới (từ bồn chứa dung dịch sữa vôi và xả theo đường ống về ngăn tuần hoàn nước thải của công trình xử lý nước thải phát sinh từ quá trình xử lý bụi, khí thải của lò đốt).

- Bước 5: Sau khi qua thiết bị xử lý khí đa năng số 2, khí thải theo đường ống dẫn sang tháp hấp phụ (tháp số 3). Tại tháp này các khí độc tiếp tục được hấp phụ qua 03 tầng than hoạt tính trước khi thải ra môi trường. Định kỳ trung bình 3 tháng/lần, than hoạt tính được thay thế. Than hoạt tính thải ra được lưu giữ tại kho chất thải nguy hại.

Hóa chất, vật liệu sử dụng: Dung dịch sữa vôi và than hoạt tính.

### 3. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố

a) Biện pháp phòng ngừa:

- Thực hiện chuyển giao và đào tạo nhân lực để vận hành hệ thống xử lý theo đúng quy trình, hướng dẫn của đơn vị cung cấp lò đốt.

- Thường xuyên bảo dưỡng, thay thế nguyên vật liệu (than hoạt tính, bổ sung nước vôi), vật tư các thiết bị để đảm bảo hiệu quả xử lý; thường xuyên kiểm tra tình trạng đóng cặn trong các thiết bị xử lý cũng như đường ống dẫn bụi, khí thải để kịp thời vệ sinh.

- b) Biện pháp ứng phó sự cố
- Kích hoạt ngay hệ thống van xả tắt theo quy định.
  - Dừng ngay hoạt động nạp rác vào lò để tiến tới tạm dừng hoạt động lò đốt sớm nhất phục vụ việc khắc phục sự cố sớm nhất.
  - Theo dõi, đánh giá tình trạng di chuyển bụi, khói thải ra môi trường xung quanh để kịp thời cảnh báo, di dời dân cư trong trường hợp cần thiết.
  - Rà soát, đánh giá nguyên nhân sự cố và tập trung khắc phục sự cố.
  - Chỉ đưa lò đốt hoạt động trở lại sau khi sự cố đối với hệ thống xử lý bụi, khí thải đã được khắc phục và đảm bảo điều kiện để hoạt động.

### **III. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

#### **1. Thời gian vận hành thử nghiệm**

Thời gian vận hành thử nghiệm là 90 ngày kể từ khi hoàn thành việc đầu tư và đưa lò đốt vào hoạt động.

#### **2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm**

a) Vị trí lấy mẫu: Ống thải sau hệ thống xử lý bụi, khí thải lò đốt CTRSH. Vị trí lấy mẫu (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $104^{\circ} 45'$  múi chiếu  $3^{\circ}$ ): X: 2407675,70 Y: 529683,64.

b) Thông số ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của thông số ô nhiễm theo Phần A Phụ lục này.

### **IV. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

#### **1. Trong giai đoạn thi công xây dựng**

Thực hiện các biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải đối với các hoạt động thi công xây dựng.

#### **2. Trong giai đoạn hoạt động**

a) Thu gom, xử lý bụi, khí thải lò đốt đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này.

b) Thực hiện các biện pháp giảm thiểu mùi trong quá trình tập kết CTRSH.

c) Thực hiện các trách nhiệm của Chủ dự án trong quá trình vận hành thử nghiệm theo quy định của pháp luật.

d) Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này.

## **PHỤ LỤC 02: CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 904/GPMT-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)*

### **I. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải**

#### **1. Giai đoạn thi công**

##### **a) Nước thải sinh hoạt**

(i) Bố trí 02 nhà vệ sinh di động gồm 2 buồng vệ sinh (chiều cao 2,5 m, chiều rộng 0,9m, chiều dài 1,3 m được làm từ vật liệu composite; bể chứa chất thải dung tích 0,5m<sup>3</sup> kèm theo).

(ii) Quy trình: Nước và phân từ bồn cầu được dẫn vào bể chứa chất thải để chứa và xử lý bước đầu. Định kỳ, Chủ dự án thuê đơn vị có năng lực để hút chất thải từ bể chứa.

##### **b) Nước thải thi công**

(i) Bố trí 01 hồ lắng nước thải thi công (chiều dài 02 m, chiều rộng 02 m, chiều sâu 01 m) để xử lý nước thải thi công.

(ii) Nước thải thi công được thu gom, chảy về để xử lý tại hồ lắng. Nước thải sau lắng được tái sử dụng cho việc rửa dụng cụ, máy móc thi công hằng ngày. Định kỳ hằng tuần, Chủ dự án tiến hành nạo vét bùn đất trong hồ lắng. Bùn đất sau nạo vét được sử dụng để san lấp mặt bằng trong dự án.

##### **c) Nước mưa chảy tràn**

(i) Nước mưa chủ yếu tự chảy theo bề mặt địa hình dạng lòng chảo của khu vực dự án.

(ii) Bố trí hệ thống rãnh thoát nước xung quanh mặt bằng giáp đường giao thông (chiều dài 260 m, chiều rộng 0,6 m) để tăng cường khả năng thu nước mưa.

(iii) Tận dụng đập đất đã có (chiều rộng mặt 2,5 m, chiều dài 21,5 m) tại khu vực đất phía Nam dự án để ngăn ngừa tràn nước mưa chảy tràn mang theo đất đá từ khu vực thi công chảy ra khu vực xung quanh.

##### **d) Nước thải tại khu tập kết tạm thời CTRSH (CTRSH hiện có tại bãi rác)**

(i) Khu vực tập kết tạm thời CTRSH được chống thấm đáy bằng HDPE (nước rỉ ra từ CTRSH được tích lũy trong đáy bãi tập kết tạm này và được bơm hút lên công trình xử lý trong giai đoạn hoạt động của dự án).



(ii) Che phủ kín trên bề mặt bãi tập kết tạm thời CTRSH bằng HDPE để ngăn ngừa nước mưa lẫn vào CTRSH.

## 2. Giai đoạn hoạt động

a) Nước thải nhà tập kết, phơi rác

(i) Biện pháp, công trình thu gom

Nền nhà khu tập kết, phơi rác được xây dựng với độ dốc 2% để hướng nước rỉ rác chảy về rãnh thu gom; bố trí rãnh thu nước rỉ rác (*chiều rộng 0,3 m, chiều sâu 0,5 m, chiều dài 80 m xung quanh nhà tập kết, phơi rác*) để thu gom, dẫn nước rỉ rác về công trình xử lý.

(ii) Công trình xử lý

Xây dựng công trình xử lý với 05 ngăn (*03 ngăn lắng; 02 ngăn lọc, trong đó 01 ngăn lọc với vật liệu lọc là cát, đá, sỏi và 01 ngăn lọc với vật liệu lọc, hấp phụ là than hoạt tính*); kích thước: chiều dài 05 m, chiều rộng 3,5 m, chiều sâu 02 m.

(iii) Quy trình vận hành

- Bước 1: Nước rỉ rác theo độ dốc nền nhà và chảy về rãnh thu gom. Tại cuối tuyến rãnh thu gom bố trí lưới chắn rác để ngăn rác thải chảy về công trình xử lý. Định kỳ hằng ngày, công nhân vận hành phải kiểm tra rác thải tại lưới chắn rác để kịp thời bốc xúc rác tại khu vực này để đảm bảo khả năng thu gom nước thải về công trình. Rác thu gom tại lưới chắn rác được chuyển về khu tập kết, phơi rác.

- Bước 2: Nước thải được lắng tại 03 ngăn lắng (*nước thải chảy tuần tự từ ngăn số 1 sang ngăn số 2, số 3*).

- Bước 3: Sau đó nước thải chảy sang ngăn lọc số 4, ngăn số 5. Tại ngăn lọc, nước thải được lọc qua các lớp vật liệu lọc gồm cát, đá, sỏi (*ngăn số 4*) và than hoạt tính (*ngăn số 5*).

- Bước 4: Sau khi qua các ngăn lọc, nước thải chảy sang công trình xử lý nước thải phát sinh từ quá trình xử lý bụi, khí thải của lò đốt để tuần hoàn cho quá trình xử lý bụi, khí thải.

Định kỳ tối đa 06 tháng tiến hành thay lớp vật liệu lọc tại các bể lọc và nạo vét bùn cặn trong các bể. Vật liệu lọc và bùn cặn được đổ vào hố chôn xỉ.

Vật liệu sử dụng: cát, đá, sỏi và than hoạt tính.

b) Nước rỉ rác tại khu vực tập kết rác tạm thời (*đã tập kết trong giai đoạn xây dựng*)

Sử dụng bơm và hệ thống đường ống để bơm nước rỉ rác tại bãi tập kết tạm này về xử lý tại công trình xử lý nước thải tại nhà tập kết, phơi rác nêu trên.

Chủ dự án thực hiện việc bơm điều tiết lượng nước thải này về công trình xử lý đảm bảo phù hợp và không có nước thải sau xử lý ra môi trường cũng như phù hợp với tiến độ xử lý (*bức xúc CTRSH về lò đốt*) CTRSH đã tập kết tạm thời.

c) Nước thải từ hồ chôn xỉ

Đầu tư 01 hồ thu nước thải tại vị trí phù hợp trong lòng hồ chôn xỉ (*chiều dài 03 m, chiều rộng 01 m, chiều sâu 01 m*). Nước thải hình thành trong hồ chôn xỉ theo độ dốc và chảy về hồ thu nước nêu trên. Hồ thu nước được thiết kế các cửa thu nước để thu nước vào hồ. Nước từ hồ thu được bơm về xử lý tại công trình xử lý nước thải tại nhà tập kết, phơi rác nêu trên. Định kỳ hằng ngày, công nhân vận hành tiến hành kiểm tra miệng hồ thu nước để đảm bảo không bị tắc nghẽn. Chủ dự án thực hiện việc bơm điều tiết lượng nước thải này về công trình xử lý đảm bảo phù hợp và không có nước thải sau xử lý ra môi trường.

d) Nước thải xử lý bụi, khí thải của lò đốt

(i) Biện pháp, công trình thu gom: Nước thải phát sinh từ tháp xử lý số 1, 2 theo đường ống chảy về công trình xử lý.

(ii) Công trình xử lý: Đầu tư công trình xử lý với 06 ngăn (*tổng kích thước toàn công trình: chiều dài 8,6 m, chiều rộng 04 m, chiều sâu 1,65 m*); kèm theo đó là hệ thống bơm và đường ống bơm tuần hoàn nước thải.

(iii) Quy trình vận hành

- Bước 1: Nước thải từ 02 tháp xử lý khí thải theo đường ống chảy về ngăn số 1 của công trình xử lý.

- Bước 2: Nước thải được lắng, chảy tuần tự từ ngăn số 1 đến ngăn số 6.

- Bước 3: Tại ngăn số 6, nước thải được bơm tuần hoàn trở lại tháp xử lý khí thải đa năng số 1 và 2 của công trình xử lý bụi, khí thải lò đốt. Tại ngăn số 6, công nhân tiến hành kiểm soát pH bằng giấy quỳ tím để đảm bảo pH duy trì >10. Khi pH trong dung dịch sữa vôi <10 thì Chủ dự án tiến hành bổ sung dung dịch sữa vôi mới (*từ bồn chứa dung dịch sữa vôi và xả theo đường ống về ngăn số 6 này*).

Trung bình khoảng 02 tháng (*vào thời điểm thời tiết không có mưa. Khi này không phát sinh nước thải từ hồ chôn xỉ*), Chủ dự án tiến hành bơm một phần nước thải trong công trình xử lý nước thải xử lý bụi, khí thải của lò đốt về công trình xử lý nước thải nhà tập kết, phơi rác để xử lý theo quy trình của công trình xử lý này. Định kỳ 06 tháng tiến hành nạo vét bùn cặn tại các ngăn của công trình xử lý. Bùn cặn được chuyển vào kho CTNH để lưu giữ và thuê xử lý.

Vật liệu sử dụng: Vôi cục.

e) Nước thải sinh hoạt

## (i) Biện pháp, công trình thu gom

Nước rửa, tắm giặt được thu vào ống thoát nước rửa rồi chảy vào ngăn số 1 của công trình xử lý nước thải xử lý bụi, khí thải của lò đốt.

Nước thải từ bồn cầu, chậu tiểu theo đường ống chảy về bể tự hoại; nước thải sau bể tự hoại theo đường ống chảy vào ngăn số 1 của công trình xử lý nước thải xử lý bụi, khí thải của lò đốt.

(ii) Công trình xử lý: Xây dựng bể tự hoại 03 ngăn (*chiều dài 2,4 m, chiều rộng 2 m, chiều sâu 1,7 m*) để xử lý.

## (iii) Quy trình vận hành

Nước thải từ bồn cầu, chậu tiểu theo đường ống chảy về bể tự hoại. Trong bể tự hoại, nước thải được xử lý và chảy tuần tự tự ngăn số 1, sang ngăn số 2 và số 3. Sau đó theo đường ống chảy vào ngăn số 1 của công trình xử lý nước thải xử lý bụi, khí thải của lò đốt.

Vật liệu sử dụng: Không sử dụng.

## g) Nước mưa chảy tràn

(i) Tiếp tục sử dụng hệ thống rãnh thu gom, thoát nước mưa đầu tư xây dựng trong giai đoạn xây dựng cơ bản.

(ii) Đầu tư 01 công thoát nước (*chiều dài 4,5 m, đường kính 0,75 m*) để thoát nước mưa; phía thượng lưu công thiết kế hồ thu nước, phía hạ lưu thiết kế bậc thoát nước.

**II. Phòng ngừa, ứng phó sự cố****1. Biện pháp phòng ngừa**

a) Thực hiện vận hành công trình đảm bảo đúng quy trình.

b) Thường xuyên kiểm tra, sửa chữa, bảo dưỡng để công trình hoạt động ổn định.

c) Chuẩn bị sẵn sàng vật tư để phục vụ công tác sửa chữa, khắc phục khi có sự cố, gồm: đường ống dẫn nước thải, máy bơm nước, giấy quỳ tím.

d) Nâng cao trình độ quản lý kỹ thuật cho cán bộ môi trường về quá trình vận hành hệ thống xử lý chất thải, ứng phó kịp thời với các trường hợp quá tải.

**2. Biện pháp ứng phó**

a) Khi có sự cố xảy ra nhanh chóng bơm nước thải về hồ chôn xỉ và bơm quay trở lại xử lý sau khi đã khắc phục xong sự cố.

b) Dừng hoạt động phát sinh nước thải.

c) Tìm hiểu nguyên nhân sự cố và khắc phục kịp thời không để nước thải chưa xử lý ra ngoài môi trường.

d) Tập trung khắc phục sự cố, vận hành thử lại nếu ổn định tiếp tục hoạt động; chỉ hoạt động trở lại khi sự cố được khắc phục hoàn toàn.

### **III. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

Thời gian vận hành thử nghiệm là 03 tháng kể từ khi dự án đã hoàn thành xây dựng các công trình xử lý chất thải theo giấy phép môi trường được cấp.

### **IV. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

#### **1. Trong giai đoạn thi công xây dựng**

Xây dựng mạng lưới thu gom, thoát nước thải và các công trình xử lý nước thải để thu gom, xử lý tất cả các loại nước thải của dự án, nước mưa chảy tràn và nước thải sinh hoạt; định kỳ thuê đơn vị có năng lực để hút chất thải từ bể chứa nước thải sinh hoạt của nhà vệ sinh di động; tuần hoàn nước thải thi công sau xử lý.

#### **2. Trong giai đoạn hoạt động**

(i) Xây dựng, đấu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, nước thải đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành dự án.

(ii) Thu gom, xử lý, tuần hoàn toàn bộ nước thải phát sinh của dự án; có kế hoạch điều tiết lưu lượng các nguồn thải về công trình xử lý đảm bảo không có nước thải thải ra môi trường.

(iii) Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu có nước thải thải ra môi trường.

**PHỤ LỤC 03**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ**  
**CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số ~~904~~ GPMT-UBND ngày ~~02~~ tháng ~~6~~ năm 2023  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

**I. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

**1. Giai đoạn thi công**

Tiếng ồn phát sinh do hoạt động đào, đắp, san lấp mặt bằng và thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án.

**2. Giai đoạn hoạt động**

Tiếng ồn phát sinh từ các phương tiện ra vào dự án, máy móc thiết bị trong các hoạt động của dự án.

**II. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung**

1. Vị trí phát sinh: các máy móc thi công, máy móc và các thiết bị của lò đốt CTRSH khi hoạt động.

2. Tọa độ khu vực phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $104^{\circ} 45'$  múi chiếu  $3^{\circ}$ ):

STT	Tọa độ	
	X	Y
1	2407706.91	529318,00
2	2407700.30	529319.51
3	2407681.43	529318.98
4	2407671.91	529313.60
5	2407668.73	529309.14
6	2407665.53	529296.21
7	2407662.39	529283.56
8	2407657.39	529270.67
9	2407654.36	529266.62
10	2407646.80	529264.04
11	2407640.76	529263.31
12	2407633.89	529260.79
13	2407641.67	529228.69

STT	Tọa độ	
	X	Y
14	2407644.51	529226.77
15	2407646.09	529226.47
16	2407677.74	529238.81
17	2407682.67	529242.36
18	2407686.22	529247.71
19	2407690.50	529267.61
20	2407698.28	529280.46
21	2407702.40	529285.70
22	2407710.62	529297.60
23	2407713.65	529305.68
24	2407710.60	529315.51

**3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, cụ thể như sau:**

(i) Tiếng ồn:

STT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	6 tháng/lần	<i>Khu vực thông thường</i>

(ii) Độ rung:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	6 tháng/lần	<i>Khu vực thông thường</i>

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**

### **1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

a) Giai đoạn thi công

(i) Xây dựng kế hoạch thi công hợp lý, hạn chế hoạt động đồng thời các máy móc, thiết bị xây dựng.

(ii) Tính toán, chọn vị trí đặt thiết bị gây ồn phù hợp sao cho giá trị mức

ồn không cộng hưởng. Tất những máy móc hoạt động gián đoạn nếu thấy không cần thiết để giảm mức ồn tích lũy đến mức thấp nhất.

(iii) Tất cả các phương tiện và máy móc phải được kiểm định trước khi đưa vào sử dụng. Bảo trì máy móc thiết bị và phương tiện định kỳ 03 tháng/lần trong thời gian thi công.

(iv) Công nhân thi công tại công trường sẽ được trang bị loại bảo hộ lao động.

b) Giai đoạn hoạt động

(i) Trồng cây xanh tại khu vực Dự án.

(ii) Có kế hoạch kiểm soát và bảo dưỡng máy móc định kỳ để đảm bảo năng lực tốt trong suốt quá trình vận hành.

(iii) Công nhân thi công tại công trường sẽ được trang bị loại bảo hộ lao động.

## **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại mục A phụ lục này và theo quy chuẩn quốc gia về môi trường cho phép.

**PHỤ LỤC 04:**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ**  
**ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 904/GPMT-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2023  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**I. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh**

**1. Giai đoạn thi công**

a) Chất thải rắn sinh hoạt: Tổng khối lượng phát sinh khoảng 07 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn, rau, củ quả thừa, túi ni lông, hộp xốp, chai nhựa,...

b) Chất thải rắn xây dựng: Tổng khối lượng phát sinh khoảng 5,2 tấn/giai đoạn (tương đương khoảng 30 kg/ngày). Thành phần chủ yếu là vỏ bao xi măng, dây buộc, vật liệu xây dựng rơi vãi,...

c) Chất thải rắn sinh hoạt hiện có trong bãi rác và lớp đất nền bên dưới bãi rác hiện có: Tổng khối lượng phát sinh khoảng 1.860 m<sup>3</sup>/giai đoạn. Thành phần chủ yếu là đất đá và chất thải rắn sinh hoạt đã chôn lấp trước đây tại bãi rác.

d) CTNH phát sinh với tổng khối lượng khoảng 48 kg/giai đoạn (tương đương khoảng 08 kg/tháng), thành phần và khối lượng tương ứng như sau:

STT	Loại CTNH	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại thông thường	Khối lượng (kg/giai đoạn)
1	Pin	16 01 12	Rắn	0,24
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	01
3	Giẻ lau dính dầu	18 02 01	Rắn	10
4	Vỏ hộp đựng hoá chất tẩy rửa	18 01 03	Rắn	0,24
5	Vỏ hộp sơn	18 01 02	Rắn	36
<b>Tổng cộng:</b>				<b>48</b>

**2. Giai đoạn hoạt động**

a) Chất thải rắn sinh hoạt: Tổng khối lượng phát sinh khoảng 04 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn, rau, củ quả thừa, túi ni lông, hộp xốp, chai nhựa,...



b) Chất tro lẫn trong CTRSH khi thu gom chuyển về lò đốt: Tổng khối lượng phát sinh khoảng 0,79 tấn/ngày. Thành phần chủ yếu là gạch, đá, thủy tinh...

c) Tro xỉ từ lò đốt CTRSH: Tổng khối lượng phát sinh khoảng 1,5 tấn/ngày.

d) Bùn thải, đá, cát, sỏi từ quá trình nạo vét, vệ sinh công trình xử lý nước thải (*nước rỉ rác, nước thải hố chôn xỉ*): Tổng khối lượng phát sinh 20 tấn/năm.

đ) CTNH phát sinh với tổng khối lượng khoảng 12.130 kg/năm, thành phần và khối lượng tương ứng như sau:

STT	Loại CTNH	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại thông thường	Khối lượng (kg/năm)
1	Pin	16 01 12	Rắn	36
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	30
3	Giẻ lau dính dầu	18 02 01	Rắn	12
4	Than hoạt tính đã sử dụng	12 01 04	Rắn	100
5	Nước thải từ quá trình xử lý khí lò đốt	12 01 02	Rắn	4.750
6	Bùn thải từ nạo vét bể xử lý nước thải phát sinh từ quá trình xử lý khí thải lò đốt ( <i>Tro bay được xử lý bởi dung dịch sữa vôi</i> )	12 06 08	Bùn	7.200
<b>Tổng cộng:</b>				<b>12.130</b>

## II. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

### 1. Giai đoạn thi công

a) Chất thải rắn sinh hoạt:

Thu gom vào 02 thùng thu gom (*dung tích 120 lít*). Chất thải rắn sinh hoạt được đưa về khu vực tập kết tạm thời tại phía Nam dự án. Sau khi lò đốt hoạt động, Chủ dự án sẽ chuyển về xử lý tại lò đốt.

b) Chất thải rắn xây dựng: Thực hiện thu gom và phân loại chất thải rắn xây dựng; các loại như gạch, vữa, đá,... sẽ tập trung để tận dụng san nền trong

dự án; loại chất thải có thể tái chế như sắt, thép, nhựa,... sẽ chuyển cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu.

c) Chất thải rắn sinh hoạt hiện có trong bãi rác và lớp đất nền bên dưới bãi rác:

Bố trí 01 khu vực tập kết tạm thời chất thải này với diện tích 250 m<sup>2</sup> tại phía Nam dự án; đáy bãi tập kết được chống thấm bằng HDPE; bên trên bề mặt rác thải được phủ kín bằng HDPE. Sau khi, lò đốt đi vào hoạt động, Chủ dự án sẽ bốc xúc toàn bộ lượng rác thải đưa vào lò đốt để xử lý; phần đất còn lại sẽ được tái sử dụng cho việc trồng cây trong dự án.

d) Chất thải nguy hại (CTNH)

Bố trí 01 khu lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại có diện tích khoảng 15 m<sup>2</sup>, có biển cảnh báo; các chất thải nguy hại của công trường được lưu giữ tại khu lưu trữ tạm thời chất thải nguy hại, được phân loại và đựng trong thùng phuy chứa có nắp đậy kín, định kỳ thuê đơn vị có đủ chức năng vận chuyển và xử lý theo quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

## **2. Giai đoạn hoạt động**

a) Chất thải rắn sinh hoạt

Bố trí 02 xô để thu gom, phân loại CTRSH (*dung tích 10 lít/xô*); chất thải rắn sinh hoạt được xử lý tại lò đốt CTRSH của dự án.

b) Chất tro lẫn trong CTRSH khi thu gom chuyển về lò đốt; Tro xỉ từ lò đốt CTRSH; Bùn thải, đá, cát, sỏi từ quá trình nạo vét, vệ sinh công trình xử lý nước thải (*nước rỉ rác, nước thải hố chôn xỉ*)

Bố trí hố chôn (*chiều dài 31 m, chiều rộng 26 m, chiều sâu 03 m*); đáy và thành hố được chống thấm bằng HDPE; xung quanh hố chôn đắp gờ ngăn nước mưa chảy tràn xung quanh đổ vào (*chiều cao gờ khoảng 0,3 m*).

c) Chất thải nguy hại

Bố trí 01 khu lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại có diện tích khoảng 15 m<sup>2</sup>, có biển cảnh báo; các chất thải nguy hại của công trường được lưu giữ tại khu lưu trữ tạm thời chất thải nguy hại, được phân loại và đựng trong thùng phuy chứa có nắp đậy kín, định kỳ thuê đơn vị có đủ chức năng vận chuyển và xử lý theo quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Riêng nước thải phát sinh từ quá trình xử lý bụi, khí thải lò đốt được tuần hoàn.

## **B. PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG**

Thực hiện như nội dung tại Phụ lục 01 và 02 Giấy phép này.

**PHỤ LỤC 05:**  
**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 904/GPMT-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2023  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)*

Chủ dự án và đơn vị được giao quản lý vận hành Dự án có trách nhiệm thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung theo Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường được phê duyệt và các nội dung tại Giấy phép này; tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật có liên quan, đặc biệt lưu ý tuân thủ các yêu cầu cụ thể sau:

1. Đầu tư lò đốt chất thải rắn sinh hoạt đảm bảo các yêu cầu quy định tại QCVN61-MT: 2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải rắn sinh hoạt ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BTNMT ngày 10/03/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường.

2. Các công trình bảo vệ môi trường của dự án phải được thiết kế và xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng. Chủ dự án phải chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong suốt quá trình triển khai dự án.

3. Tổ chức thi công xây dựng theo đúng tọa độ, ranh giới, diện tích được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

4. Xây dựng mạng lưới thu gom, thoát nước thải và các công trình xử lý nước thải để thu gom, xử lý tất cả các loại nước thải của dự án, nước mưa chảy tràn và nước thải sinh hoạt; tuần hoàn toàn bộ nước thải của dự án.

5. Thực hiện quản lý các loại chất thải phát sinh trong quá trình thực hiện dự án (*chất thải rắn, chất thải nguy hại, ...*) đảm bảo theo quy định.

6. Tuyệt đối không sử dụng các loại máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất và các vật liệu khác bị cấm sử dụng tại Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành.

7. Lập và thông báo Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án đến Sở Tài nguyên và Môi trường trước ít nhất 10 ngày, kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát.

8. Thực hiện nghiêm chỉnh Chương trình quản lý, giám sát, quan trắc môi trường như đã đề xuất trong Báo cáo; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát môi trường và định kỳ báo cáo cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường; bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình giám sát môi trường như đã nêu trong Báo cáo đề xuất Giấy phép môi trường.

9. Thực hiện các yêu cầu của cơ quan chức năng trong quá trình thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về môi trường đối với dự án;

10. Có trách nhiệm hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra thực hiện kế hoạch quản lý môi trường, việc triển khai các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan đến dự án khi được yêu cầu.

11. Có kế hoạch mở rộng hồ chôn xỉ để đảm bảo khả năng chứa chất thải tại hồ này phù hợp với lượng chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án/.